

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2017/HSST

Ngày: 12/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Từ Quốc Thái Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Hoàng Hải** - Nghề nghiệp: Công chức nhà nước.

Nơi công tác: Phòng kinh tế thị xã L.

2. Ông **Võ Mừng** - Nghề nghiệp: Công chức nhà nước.

Nơi công tác: UBMTTQ Việt Nam thị xã L.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Phạm Quang Hiễn** - Cán bộ
Toà án nhân dân thị xã LaGi, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã LaGi, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Trọng Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 42/2017/HSST ngày 30 tháng 5 năm 2017, đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN B - Sinh năm: 1964, tại Bình Dương.

Nơi ĐKNKTT: Không có.

Chỗ ở: Khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Trình độ văn hóa: 04/12 - Nghề nghiệp: Làm thuê.

Tiền án - Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/6/1999, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện H (cũ) ra quyết định khởi tố bị can về tội: “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa” (Quyết định số 96). Ngày 14/8/1999, bị Viện kiểm sát nhân dân huyện H (cũ) truy tố về tội: “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa” (Cáo trạng số 46/KSĐT).

Cha mẹ ruột đã chết trong chiến tranh giải phóng miền Nam.

Con ông (cha nuôi): Nguyễn Văn Q (đã chết) và bà (mẹ nuôi): Nguyễn Thị B (đã chết).

Vợ: Vương Thị L (Gái) - Sinh năm: 1968 (không đăng ký kết hôn); Có 07 con, lớn nhất sinh năm: 1988, nhỏ nhất sinh năm: 2005.

Bị cáo bị bắt ngày **23/3/2017**, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** **Vương Thị L (Gái)** - Sinh năm: 1968 - Trú: Khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương. (Có mặt)

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Văn B bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 07/6/1999, Nguyễn Văn B có hành vi lén lút vào nhà lô sản xuất rau xanh thuộc phân trại số 04, Trại giam Thủ Đức (Z30D) đóng trên địa bàn xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận trộm cắp tài sản gồm: 01 tivi JVC 14 inch, 01 đầu máy video hiệu National, 01 máy cassette, 01 mô tơ bơm nước, 01 nồi cơm điện hiệu Sharp, 01 Cân đồng hồ loại 5kg hiệu Nhơn Hòa và một số tài sản khác, tổng giá trị tài sản là 4.050.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tài sản B đem về nhà cất giấu thì bị phát hiện, bắt giữ. Đến ngày 15/6/1999, Bằng bị Công an huyện H khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội: “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa” theo Khoản 1 Điều 132 Bộ luật hình sự năm 1985 và bị tạm giam tại buồng số 6 Nhà tạm giữ Công an huyện H (cũ) nay là Công an thị xã L, tỉnh Bình Thuận cùng với các bị can Trương Đăng Q, Trần Như H, Phan H, Trần Văn Q và cùng một số người khác (B không nhớ rõ tên).

Đến ngày 24/8/1999, Trần Văn Q bàn với B, Trương Đăng Q, Phan H và Trần Như H sẽ tổ chức phá cửa buồng giam để trốn, được cả bọn đồng ý. Chờ cho các phạm nhân khác ngủ say đến khoảng 23h cùng ngày, lúc này trời đang mưa to Quảng phân công H và H lấy mền (chăn) buộc vào song cửa sắt buồng giam để tránh tiếng động còn Q, B và Q tựa lưng vào tường rồi dùng chân đạp mạnh vào tấm sắt ở cửa nơi phần dưới bị mục. Tất cả thực hiện như kế hoạch. Sau khi tấm sắt cửa buồng giam bung ra, H chui ra trước quan sát, thấy không bị phát hiện nên 04 người cùng chui ra, B là người ra sau cùng. Sau khi chui ra tất cả trèo qua tường rào Nhà tạm giữ bỏ trốn. Các bị can Q, Q, H và H sau đó đã bị bắt và bị xét xử về tội: “Trốn khỏi nơi giam”. Riêng B trốn về nhà ở xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai rồi đưa vợ, con vào huyện B, tỉnh Sông Bé (nay là thị xã B, tỉnh Bình Dương) sinh sống, đến ngày 23/3/2017 thì bị bắt theo Lệnh truy nã số 247 ngày 30/8/1999 của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bình Thuận và chuyển về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã L để điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Tại bản cáo trạng số 41/QĐ/KSĐT/VKS-HS, ngày 30/5/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Nguyễn Văn B, về tội: “Trốn khỏi nơi giam” theo Điểm a Khoản 2 Điều 311 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân thị xã L, đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng: Điểm a Khoản 2 Điều 311; Điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Phạt: Bị cáo Nguyễn Văn B, mức án từ 03 đến 04 năm tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn B thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã LaGi truy tố, không oan. Xét, lời khai của bị cáo tại phiên tòa đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa đủ căn cứ để khẳng định: Vào rạng sáng ngày 25/8/1999, khi đang bị tạm giam tại buồng số 6 Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Bình Thuận (nay là Công an thị xã L, tỉnh Bình Thuận) để xử lý về hành vi "Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa", bị cáo Nguyễn Văn B đã cùng với Trần Văn Q, Trương Đăng Q, Phan H và Trần Như H tổ chức phá cửa buồng giam trốn ra ngoài. Sau khi trốn thoát, bị cáo B đưa gia đình đến huyện B, tỉnh Sông Bé (nay là thị xã B, tỉnh Bình Dương) sinh sống, đến ngày 23/3/2017 thì bị bắt theo quyết định truy nã.

Hành vi trên của Nguyễn Văn B đã phạm vào tội: "Trốn khỏi nơi giam" tội phạm và hình phạt được quy định Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1985. Tuy nhiên, căn cứ tinh thần Nghị quyết số 32/1999/QH10 ngày 21/12/1999 của Quốc hội, thì hành vi của bị cáo Nguyễn Văn B phải bị xử lý theo Điều 311 của Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét thấy, với mục đích bỏ trốn khỏi nhà tạm giữ, nhằm trốn tránh sự trừng phạt của pháp luật, nên trước khi trốn khỏi buồng giam Trần Văn Q đã bàn bạc với Nguyễn Văn B, Trương Đăng Q, Phan H và Trần Như H về việc phá cửa buồng giam để bỏ trốn, thì được cả bốn đồng ý. Đến khoảng 23 giờ ngày 24/8/1999 dưới sự phân công của Q thì H và H có nhiệm vụ lấy mền quấn chặt song cửa sắt của buồng giam để tránh tiếng động khi đập phá. Còn Q, B và Q thay phiên nhau dùng chân đập mạnh vào tấm sắt ở cửa buồng giam nơi phần dưới bị mục và tất cả đã thực hiện theo kế hoạch. Khi tấm sắt cửa buồng giam bung ra, H chui ra trước quan sát, cảnh giới rồi kéo cửa buồng giam để Q, Q, H và B chui ra khỏi buồng giam rồi trèo tường rào nhà tạm giữ bỏ trốn. Với những hành vi trên, Hội đồng xét xử xét thấy đây là vụ án đồng phạm có tổ chức, có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện, có sự phân công vai trò của từng người, trong đó Trần Văn Q thể hiện vừa là người khởi xướng, cầm đầu đồng thời vừa là người thực hành tội phạm. Còn Nguyễn Văn B, Trương Đăng Q, Phan H và Trần Như H là đồng phạm tham gia với vai trò là người thực hành tích cực. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn B

thuộc trường hợp phạm tội "Có tổ chức" đây là tình tiết định khung hình phạt của tội "Trốn khỏi nơi giam" được quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 311 của Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Như vậy, cáo trạng số 41/QĐ-VKS ngày 30/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội danh cũng như điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn B, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù bản thân bị cáo đang bị tạm giam để xử lý về hành vi "Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa", thế nhưng bị cáo không tỏ ra ăn năn hối cải với lỗi lầm của mình mà cùng với các đồng phạm khác đã lợi dụng tấm sắt ở phần dưới cửa buồng giam bị mục, lúc này ngoài trời đang mưa to, cũng như các phạm nhân khác đang ngủ, bị cáo Nguyễn Văn B cùng với Trần Văn Q, Trương Đăng Q, Phan H và Trần Như H đã tổ chức phá cửa buồng giam bỏ trốn ra ngoài.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn B là cố ý và rất nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan tư pháp, chế độ giam giữ, cải tạo người phạm tội, ảnh hưởng đến uy tín cũng như việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tư pháp, đồng thời xâm phạm các quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm. Vì vậy, để giữ gìn kỷ cương pháp luật, bảo vệ uy tín của các cơ quan tư pháp, bảo vệ các lợi ích của nhà nước và các tổ chức, cần phải xử bị cáo một mức án thật nghiêm, để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt có ích cho gia đình - xã hội, đồng thời làm gương cho những người khác.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn B, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo các tình tiết sau: Quá trình điều tra và tại Tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về việc làm sai trái của bản thân, hiện hoàn cảnh gia đình rất khó khăn và trong suốt thời gian bỏ trốn đến nay bị cáo chí thú làm ăn không vi phạm gì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009), để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Đối với hành vi của Trần Văn Q đã được xét xử tại bản án số 34/HSST ngày 24/3/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận (đã có hiệu lực pháp luật). Còn hành vi của Trương Đăng Q, Phan H và Trần Như H đã được xét xử tại bản án số 18/HSST ngày 20/02/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận (đã có hiệu lực pháp luật), vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập.

Đối với hành vi của bà Vương Thị L, mặc dù biết rõ bị cáo Nguyễn Văn B bỏ trốn khỏi Nhà tạm giữ công an huyện H (nay là Công an thị xã L, tỉnh Bình Thuận) nhưng đã không tố giác với cơ quan chức năng. Tuy nhiên, bà L có mối quan hệ là

vợ của bị cáo B nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội: "Không tố giác tội phạm" quy định tại Điều 314 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn B phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Văn B, phạm tội: “Trốn khỏi nơi giam”.

* **Áp dụng:** Điểm a Khoản 2 Điều 311; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

* **Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn B **03 (Ba)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày **23/3/2017**.

Áp dụng: Điều 98; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận
- VKSND tỉnh Bình Thuận
- Phòng PC81- CA tỉnh Bình Thuận
- VKSND thị xã LaGi
- THADS thị xã LaGi
- Công an thị xã LaGi
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu HS - Lưu Tòa án
- UBND địa phương nơi BC cư trú

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Từ Quốc Thái Bình